

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index vẫn chưa thể vượt qua đỉnh cũ 1,696 trong ngày hôm nay. Sau khi bật tăng trong phiên sáng, áp lực chốt lời tại đây đã đẩy chỉ số xuống ngưỡng 1,685. Lực mua xuất hiện giúp chỉ số hồi phục một chút rồi giảm xuống đóng cửa tại mốc 1,680.90 điểm, giảm hơn 4 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản và Vật liệu xây dựng dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX, UPCOM. Xu hướng giằng co tại vùng đỉnh cũ cùng biên độ dao động lớn vẫn chưa kết thúc, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL hầu hết đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-4.00** điểm, đóng cửa tại **1680.9** điểm. HNX-Index **-1.71** điểm, đóng cửa tại **278.98** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+1.25)**, **CTG (+1.14)**, **HVN (+1.06)**, **VNM (+0.80)**, **FPT (+0.64)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.47)**, **VHM (-1.69)**, **HPG (-0.71)**, **MSN (-0.59)**, **VJC (-0.48)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **37,758** tỷ đồng, tăng **10.07%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 41,336 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.39 điểm. Thị trường có **114** mã tăng, 210 mã tham chiếu, **54** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **34.79** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIX (412.57 tỷ)**, **HVN (191.31 tỷ)**, **VNM (173.39 tỷ)**, **MSB (148.96 tỷ)**, **MBB (146.73 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-127.03** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.48%**. Các mã diễn biến tích cực:
VNM (+2.54%) [\(Link báo cáo\)](#)
MBB (+2.42%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSB (+1.82%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.83%**. Các mã diễn biến tích cực:
SAB (+2.36%)
VHC (+2.18%) [\(Link báo cáo\)](#)
FRT (+2.10%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.48%	-0.83%	-0.24%	-0.07%
1 tuần	3.57%	3.59%	2.66%	2.75%
1 tháng	3.26%	1.75%	3.12%	5.17%
3 tháng	21.73%	27.74%	24.80%	30.87%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,680.90	278.98	111.32
% 1D	-0.24%	-0.61%	0.78%
GTKL (tỷ VND)	37,758	2,398	695
%1D	10.07%	4.89%	-11.72%
GDNN (tỷ VND)	34.79	-127.03	-23.67

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	412.57	VPB	-269.54
HVN	191.31	SSI	-195.27
VNM	173.39	VND	-191.40
MSB	148.96	VCB	-108.03
MBB	146.73	VIC	-99.75

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

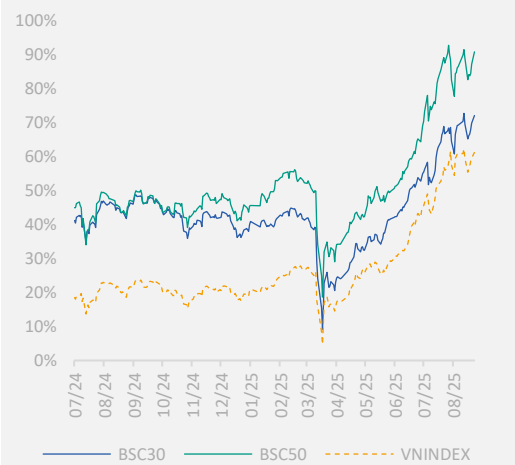
		%D	%W
SPX	6,615	0.47%	1.85%
FTSE100	9,261	-0.17%	0.20%
Eurostoxx	5,442	0.04%	1.48%
Shanghai	3,862	0.04%	1.43%
Nikkei	44,902	0.30%	2.90%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.04	-0.59%
Giá vàng	3,695	-0.61%
Tỷ giá		
USD/VND	26,468	-0.03%
EUR/VND	31,825	0.29%
JPY/VND	183	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.00%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

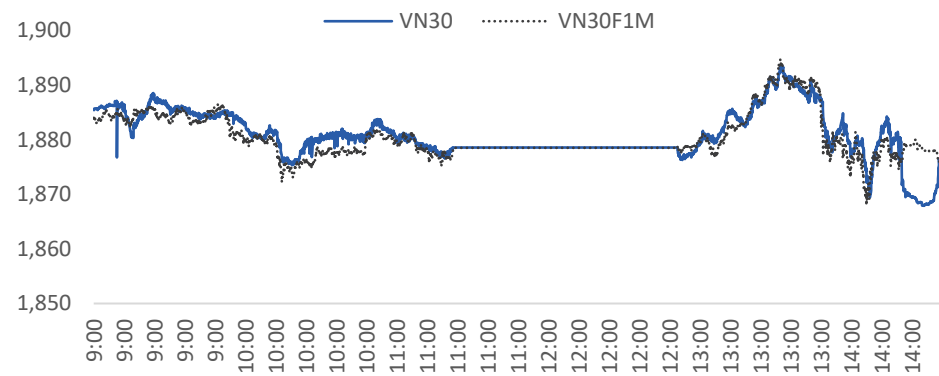
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1876.00	0.00%	299,165	15.9%	18/09/2025	2
41I1FA000	1868.20	0.04%	7,823	135.1%	16/10/2025	30
VN30F2512	1857.00	0.11%	203	51.5%	18/12/2025	93
41I1G3000	1838.90	0.09%	108	-16.92%	19/03/2026	184

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -1.36 điểm, đóng cửa tại 1875.39 điểm. Biên độ dao động 28.85 điểm. Các cổ phiếu như VIC, HPG, VHM, MSN, VJC tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán yếu dần trước phiên sáng khiến VN30 hồi phục và đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL hầu hết đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2507	19/09/2025	3	266,600	2.37%	65.46	100	42.9%	0.03	66.23	64.70	64.70
CVNM2504	9/10/2025	23	158,400	3.75%	62.78	750	25.0%	0.47	67.12	64.70	64.70
CVNM2512	14/10/2025	28	2,219,200	1.06%	58.92	1,340	21.8%	1.26	65.39	64.70	64.70
CVNM2503	26/03/2026	191	549,900	12.27%	66.12	1,360	18.3%	0.88	72.64	64.70	64.70
CVNM2407	4/11/2025	49	903,300	7.47%	65.17	760	16.9%	0.36	69.53	64.70	64.70
CVNM2509	23/02/2026	160	34,500	17.39%	69.54	830	15.3%	0.31	75.95	64.70	64.70
CVNM2513	15/12/2025	90	2,921,400	4.72%	60.85	1,430	14.4%	1.16	67.75	64.70	64.70
CVNM2519	4/05/2026	230	15,300	22.10%	69.00	1,000	13.6%	0.35	79.00	64.70	64.70
CVNM2508	19/11/2025	64	586,100	9.63%	67.61	430	13.2%	0.19	70.93	64.70	64.70
CMBB2518	23/02/2026	160	1,319,200	2.82%	21.75	4,350	12.7%	4.30	28.28	27.50	27.50
CVNM2502	27/10/2025	41	1,193,200	3.68%	63.25	800	12.7%	0.61	67.08	64.70	64.70
CMWG2504	26/03/2026	191	81,900	5.95%	65.06	4,060	12.2%	3.75	85.08	80.30	80.30
CMWG2510	13/04/2026	209	526,700	4.94%	54.22	3,810	12.1%	3.54	84.27	80.30	80.30
CMWG2407	4/11/2025	49	1,526,800	0.82%	69.01	2,020	11.0%	2.06	80.96	80.30	80.30
CSTB2510	19/11/2025	64	200	3.03%	44.00	3,450	10.9%	3.17	57.80	56.10	56.10
CVHM2508	19/11/2025	64	100	1.21%	54.44	9,900	10.9%	9.74	103.94	102.70	102.70
CVNM2510	12/01/2026	118	254,200	5.75%	58.92	1,230	10.8%	0.97	68.42	64.70	64.70
CTCB2508	14/10/2025	28	116,500	0.64%	32.00	3,800	10.5%	3.74	39.60	39.35	39.35
CMBB2513	15/12/2025	90	223,500	1.62%	19.50	5,630	10.4%	5.49	27.95	27.50	27.50
CSTB2511	19/12/2025	94	300	3.88%	45.00	3,320	10.3%	3.05	58.28	56.10	56.10

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 16/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVNM2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 42.86%. CVIB2504 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.53%.
- CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVIC2509, CVHM2408, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	103.50	1.57%	2.10
VNM	64.70	2.54%	1.98
MBB	27.50	2.42%	1.44
MWG	80.30	1.01%	1.30
TCB	39.35	0.90%	0.98

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	135.00	-2.03%	-3.69
HPG	29.95	-1.32%	-2.41
VHM	102.70	-1.72%	-1.91
MSN	86.80	-1.92%	-1.90
VJC	142.00	-2.47%	-1.37

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	27.50	2.42%	1.25	8.05
CTG	52.50	1.74%	1.14	5.37
HVN	38.25	5.37%	1.06	2.21
VNM	64.70	2.54%	0.80	2.09
FPT	103.50	1.57%	0.64	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	82.60	3.51%	0.60	0.30
VCS	50.80	1.40%	0.08	0.16
SEB	49.90	5.05%	0.06	0.03
PRE	20.60	3.52%	0.05	0.10
PVI	67.20	0.30%	0.03	0.23

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CMV	8.56	7.00%	0.00	0.03
COM	36.85	6.97%	0.01	0.00
PNC	26.90	6.96%	0.00	0.00
VNE	7.27	6.91%	0.01	2.64
DTT	24.05	6.89%	0.00	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	30.50	9.32%	0.04	0.00
CET	7.40	8.82%	0.02	0.02
SPC	10.50	8.25%	0.04	0.00
HMH	18.00	5.88%	0.06	0.00
TXM	5.40	5.88%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	135.00	-2.03%	-2.47	3.88
VHM	102.70	-1.72%	-1.69	4.11
HPG	29.95	-1.32%	-0.71	7.68
MSN	86.80	-1.92%	-0.59	1.52
VJC	142.00	-2.47%	-0.48	0.59

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	42.60	-2.74%	-0.27	0.33
HUT	19.70	-1.99%	-0.24	0.89
KSV	150.30	-1.12%	-0.23	0.20
CEO	24.10	-2.03%	-0.18	0.54
MBS	36.60	-1.08%	-0.16	0.57

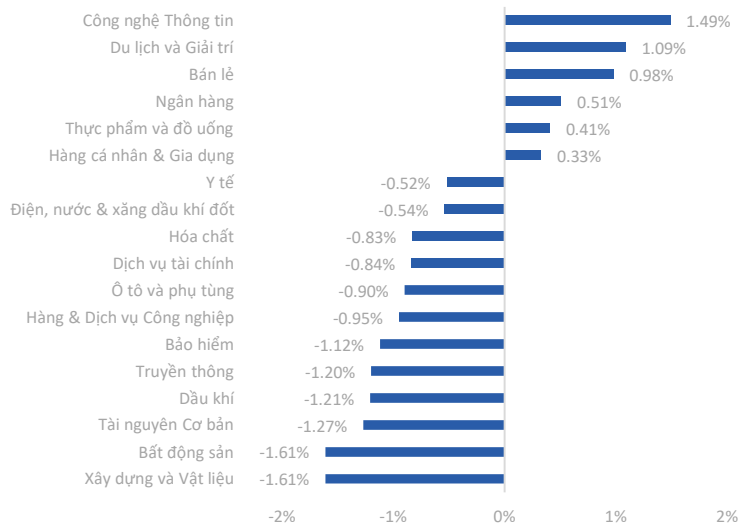
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTC	7.76	-6.39%	0.00	0.06
ICT	17.40	-5.18%	-0.01	0.28
TN1	14.80	-4.82%	-0.01	0.09
VSC	30.20	-4.43%	-0.12	11.94
C47	11.55	-4.15%	0.00	0.44

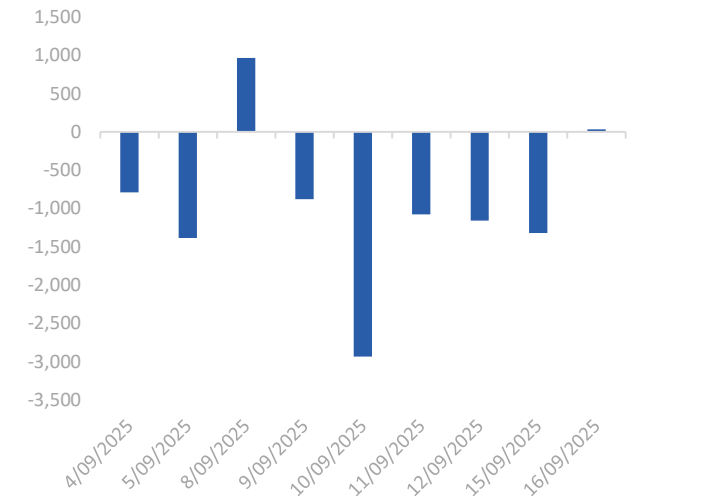
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ATS	17.10	-9.52%	-0.02	0.00
TKU	12.50	-8.76%	-0.21	0.00
SMT	10.50	-8.70%	-0.02	0.01
NAP	11.70	-7.87%	-0.08	0.01
VC1	12.20	-7.58%	-0.04	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.3	1.0%	1.5	117,537	846.7	3,304	24.1	84,700	47.4%	Link
KBC	Bất động sản	38.0	-3.1%	1.3	36,917	341.6	1,835	21.4	-	13.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.3	-1.6%	1.2	39,109	167.1	716	48.7	39,900	31.8%	Link
PDR	Bất động sản	23.6	-1.1%	1.6	23,368	866.0	177	135.0	28,200	10.7%	Link
VHM	Bất động sản	102.7	-1.7%	1.1	429,225	207.7	6,984	15.0	92,000	9.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	103.5	1.6%	0.9	173,587	1861.9	5,092	20.0	118,700	37.4%	Link
BSR	Dầu khí	27.5	-2.3%	0.0	87,124	268.7	(16)		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	35.1	-0.9%	1.3	16,920	181.2	2,644	13.4	42,800	10.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.4	-1.1%	1.4	29,915	308.3	1,097	25.2		37.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	41.6	-1.4%	1.4	87,604	1668.1	1,573	26.8		39.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.1	-2.3%	1.1	32,625	346.0	1,369	33.0		27.7%	
DCM	Hóa chất	38.8	-2.3%	1.4	21,017	142.9	3,186	12.5	47,300	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	100.0	0.5%	1.4	37,788	328.3	8,175	12.2	109,300	12.9%	Link
ACB	Ngân hàng	26.4	0.0%	0.9	135,608	1078.8	3,305	8.0	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	42.1	-0.4%	1.0	296,301	311.6	3,683	11.5	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	52.5	1.7%	1.1	277,092	990.2	5,608	9.2	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	31.3	0.2%	1.1	109,221	574.5	4,075	7.7	30,800	17.2%	Link
MBB	Ngân hàng	27.5	2.4%	1.1	216,277	1416.9	3,046	8.8	32,000	22.5%	Link
MSB	Ngân hàng	14.0	1.8%	1.1	42,900	427.7	1,634	8.4	14,000	29.6%	Link
STB	Ngân hàng	56.1	0.2%	0.9	105,572	388.2	6,148	9.1		19.1%	
TCB	Ngân hàng	39.4	0.9%	1.2	276,363	1848.1	3,018	12.9	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.7	-0.8%	1.3	52,311	295.1	2,423	8.2	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	65.6	-0.3%	0.7	549,803	451.3	4,148	15.9	75,700	21.7%	Link
VIB	Ngân hàng	21.1	-1.9%	0.9	73,016	520.8	2,218	9.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.7	0.5%	1.1	250,315	2684.8	2,193	14.4	35,600	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	30.0	-1.3%	1.1	232,950	2072.1	1,750	17.3	34,300	19.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	20.2	-2.4%	1.1	12,854	223.3	751	27.6	23,800	10.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.0	-1.0%	1.3	11,277	308.4	4,124	7.1	31,700	4.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	86.8	-1.9%	1.2	127,964	1195.0	1,861	47.6	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	64.7	2.5%	0.6	131,876	827.0	4,101	15.4	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.4	-0.33%	1.5	9,972	169.4	2,216	20.5	22.7%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	136.0	2.10%	1.1	22,684	342.1	3,163	42.1	31.0%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	58.4	-1.52%	1.2	44,020	20.3	3,278	18.1	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	24.4	-2.98%	1.3	16,258	642.4	211	118.9	6.0%	1.8%	
DXG	Bất động sản	23.6	-2.48%	1.3	24,657	495.0	350	69.2	24.9%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.0	-1.41%	1.1	6,332	137.4	482	73.7	6.5%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.2	-2.50%	1.3	11,839	107.5	540	59.3	19.3%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	42.6	-2.74%	1.4	16,622	95.5	3,977	11.0	16.6%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.5	0.61%	1.4	15,884	101.3	1,709	24.1	46.0%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	60.2	-1.31%	1.1	14,769	19.4	5,215	11.7	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	35.1	-0.99%	1.1	6,371	36.6	1,978	17.9	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.8	-1.14%	1.4	19,111	138.9	1,101	20.0	10.6%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	135.0	-2.03%	1.3	530,946	863.4	3,487	39.5	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.6	-0.16%	1.1	69,647	86.0	1,937	15.8	17.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.6	1.84%	1.2	8,639	47.4	1,701	24.0	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.0	0.56%	0.8	45,424	84.5	1,661	21.5	16.1%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	23.9	0.00%	1.1	13,258	305.7	1,428	16.7	4.1%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.7	-0.66%	1.5	13,132	76.2	1,348	28.1	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.6	-1.08%	1.8	21,193	378.1	1,554	23.8	6.1%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.7	-0.79%	0.9	152,498	48.9	5,002	12.6	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.5	-1.28%	1.0	36,650	289.6	636	24.6	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.3	-1.03%	1.0	36,833	54.9	4,417	15.4	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	142.0	-2.47%	0.7	86,139	325.2	3,427	42.5	7.3%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.0	-2.53%	1.3	49,993	350.1	1,736	31.9	7.0%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	74.0	0.27%	1.0	31,010	219.3	3,826	19.3	41.5%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	-1.88%	0.9	9,895	110.0	5,700	10.3	6.2%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.2	-0.82%	1.2	8,600	67.6	2,306	7.9	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	103.9	-0.10%	0.0	12,665	276.9	3,317	31.4	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.7	0.57%	1.0	29,803	65.1	6,115	14.4	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.4	-0.48%	0.8	3,529	63.3	2,693	11.7	49.7%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.3	-2.74%	1.3	2,685	24.9	2,841	7.7	16.6%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	27.5	0.36%	1.3	18,630	141.2	957	28.6	7.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.5	-1.34%	1.4	119,400	62.1	1,331	22.4	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	27.5	0.00%	1.1	51,225	292.5	1,783	15.4	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	44.9	0.79%	0.5	133,083	124.8	3,324	13.4	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.4	0.00%	0.0	26,336	25.6	2,260	6.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.3	1.15%	1.0	34,886	82.3	1,130	11.6	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	19.5	-1.02%	1.1	8,817	434.8	666	29.6	6.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.4	-2.74%	1.6	7,775	106.9	1,871	15.6	2.5%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.1	-0.15%	0.8	10,382	52.3	1,981	17.2	3.2%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.8	2.36%	1.1	59,896	138.7	3,185	14.7	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	65.7	2.18%	1.3	14,432	213.4	6,444	10.0	20.3%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	151.7	0.13%	1.0	12,402	15.8	13,894	10.9	85.4%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.9	0.00%	1.3	8,307	64.6	4,512	18.2	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.1	-1.51%	1.2	10,581	45.9	4,930	18.8	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.6	-2.88%	1.1	4,733	97.2	2,518	18.7	2.6%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.3	-2.87%	1.4	7,810	205.1	1,077	14.6	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.7	-1.48%	1.0	9,674	202.9	1,189	22.8	14.6%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.7	-3.32%	1.2	18,489	456.0	1,195	23.9	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	58.5	-1.85%	1.4	26,722	58.4	3,343	17.8	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>